

Gia Lai, ngày 21 tháng 02 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA TỈNH GIA LAI

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông suối của tỉnh Gia Lai từ ngày 11 – 20/02/2026 phổ biến có dao động với biên độ nhỏ từ 0.05 – 0.10 mét theo xu thế giảm. Riêng trên sông Lại Giang (tại trạm thủy văn Bồng Sơn) và sông Kôn (tại trạm thủy văn Thanh Hòa) dao động theo điều tiết của hồ chứa, đập dâng.

2. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên các sông suối của tỉnh Gia Lai từ ngày 21 – 28/02/2026 phổ biến có dao động nhỏ. Riêng trên sông Lại Giang (tại trạm thủy văn Bồng Sơn) và sông Kôn (tại trạm thủy văn Thanh Hòa) dao động theo điều tiết của hồ chứa, đập dâng.

Cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Ít có khả năng xảy ra.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Ít có khả năng tác động.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo lúc 16h00’/01/03/2026

Tin phát lúc 16h00’ ngày 21/02/2026

Nơi nhận:

- Ban PCTT-TKCN&PTDS tỉnh;
- BCH PCTT-TKCN&PTDS cấp xã;
- Báo và PTTH Gia Lai;
- VP UBND tỉnh Gia Lai;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai;
- Sở Công thương tỉnh Gia Lai;
- Phòng QLDB&TTDL KTTV;
- Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia;
- Đài KTTV Trung Bộ;
- Lưu Đài tỉnh.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Quyết Thắng

Phụ lục 1

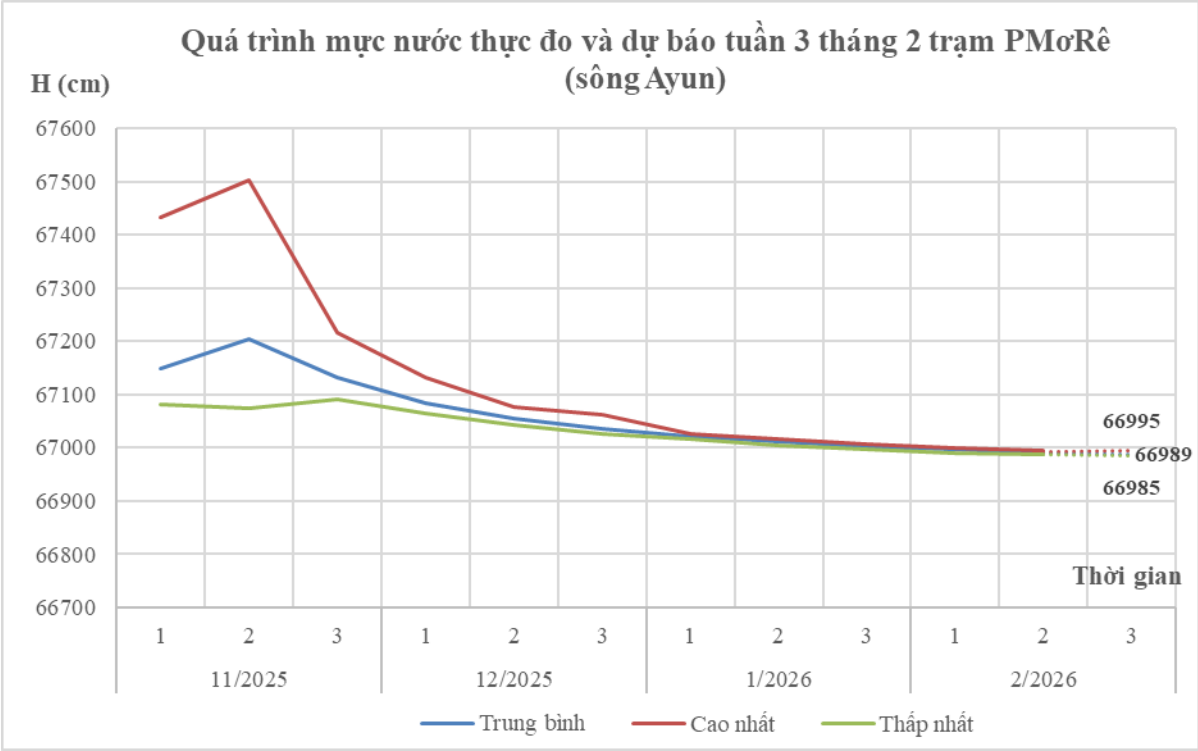
Bảng 1.1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo tại các trạm

Đơn vị: cm

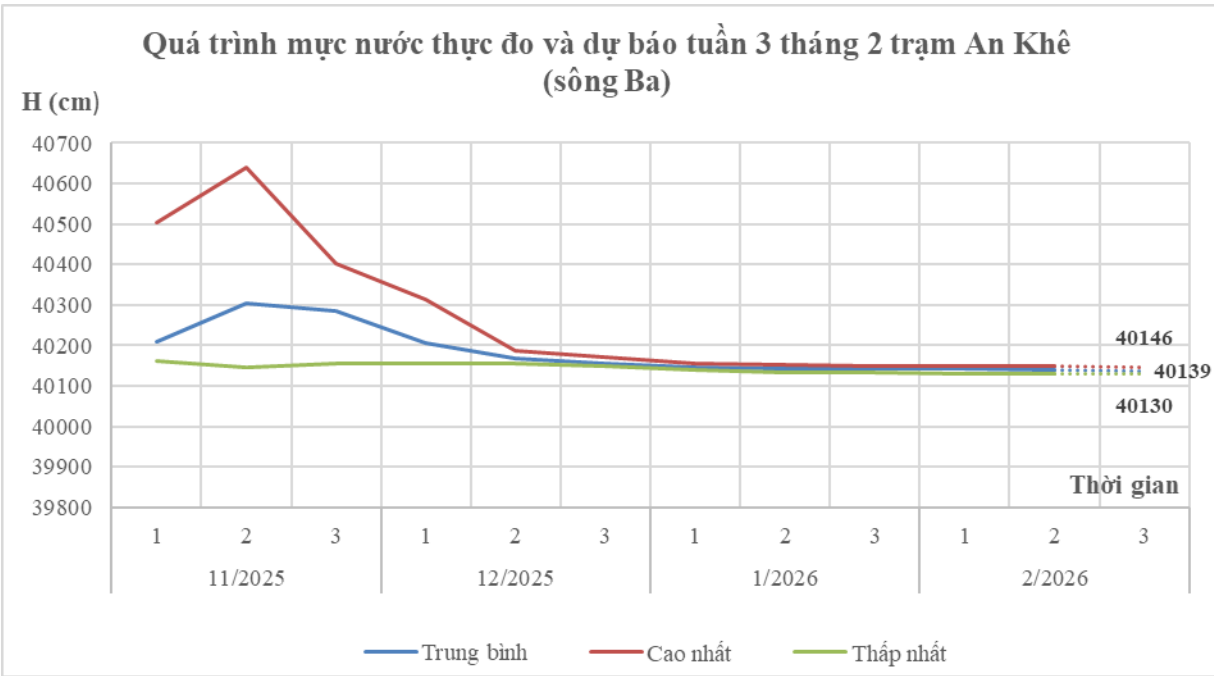
Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo 10 ngày qua			Dự báo								
			Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	5 ngày đầu			3 ngày cuối			Đặc trưng 8 ngày		
						Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Ayun	PMơRê	H (cm)	66990	66994	66988	66988	66991	66986	66989	66995	66985	66989	66995	66985
		Q (m³/s)	1.60	2.09	1.48	1.48	1.8	1.27	1.59	2.19	1.18	1.59	2.19	1.18
Ba	An Khê	H (cm)	40139	40150	40130	40139	40146	40130	40138	40145	40130	40139	40146	40130
		Q (m³/s)	8.40	12.8	5.12	8.40	11.2	5.12	8.04	10.8	5.12	8.40	11.2	5.12
	Ayunpa	H (cm)	14918	14923	14914	14916	14925	14912	14915	14922	14912	14916	14925	14912
		Q (m³/s)	63.7	68.8	61.4	62.9	70.7	59.8	62.2	67.9	59.8	62.9	70.7	59.8
An Lão	An Hòa	H (cm)	1936	1942	1915	1936	1942	1920	1938	1945	1920	1937	1945	1920
		Q (m³/s)	15.0	17.9	7.30	15.0	17.9	8.70	15.9	19.4	8.70	15.5	19.4	8.70
Lại Giang	Bồng Sơn	H (cm)	382	401	354	380	400	355	378	398	350	379	400	350
Kôn	Vĩnh Sơn	H (cm)	6859	6865	6856	6857	6862	6854	6855	6860	6853	6856	6862	6853
	Bình Nghi	H (cm)	1163	1172	1150	1171	1178	1155	1172	1180	1160	1172	1180	1155
	Thanh Hòa	H (cm)	672	692	656	670	690	652	671	692	652	671	692	652

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo tại các trạm

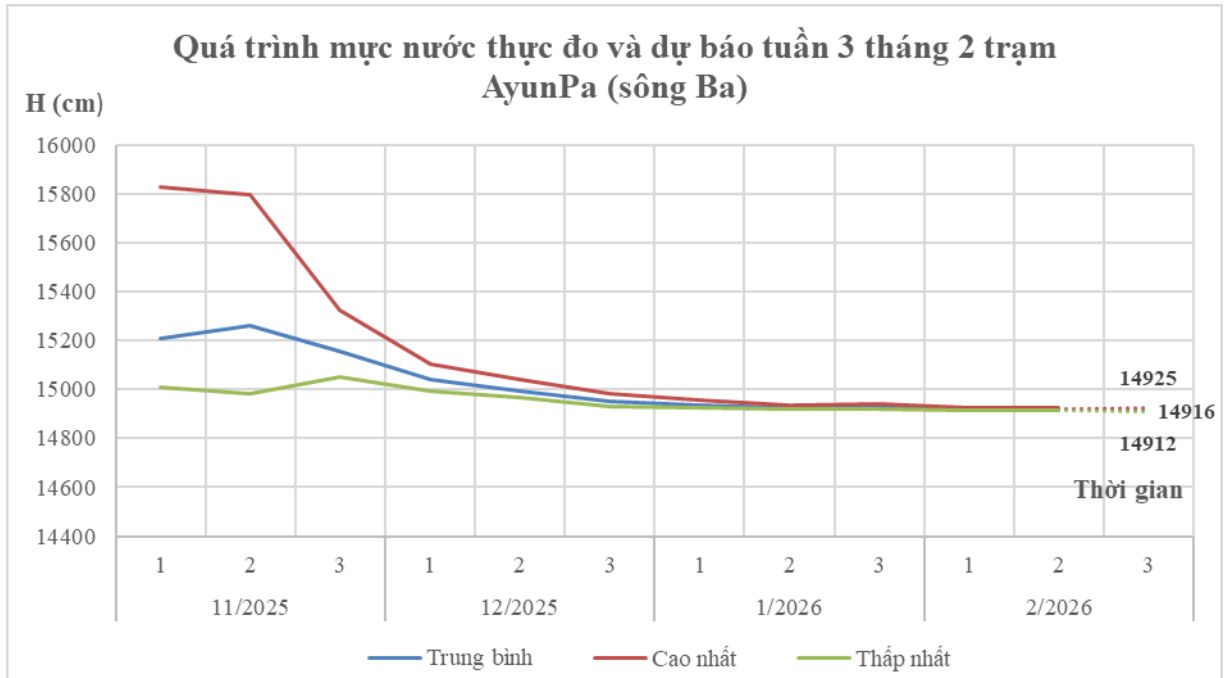
a. Trạm PMoRê



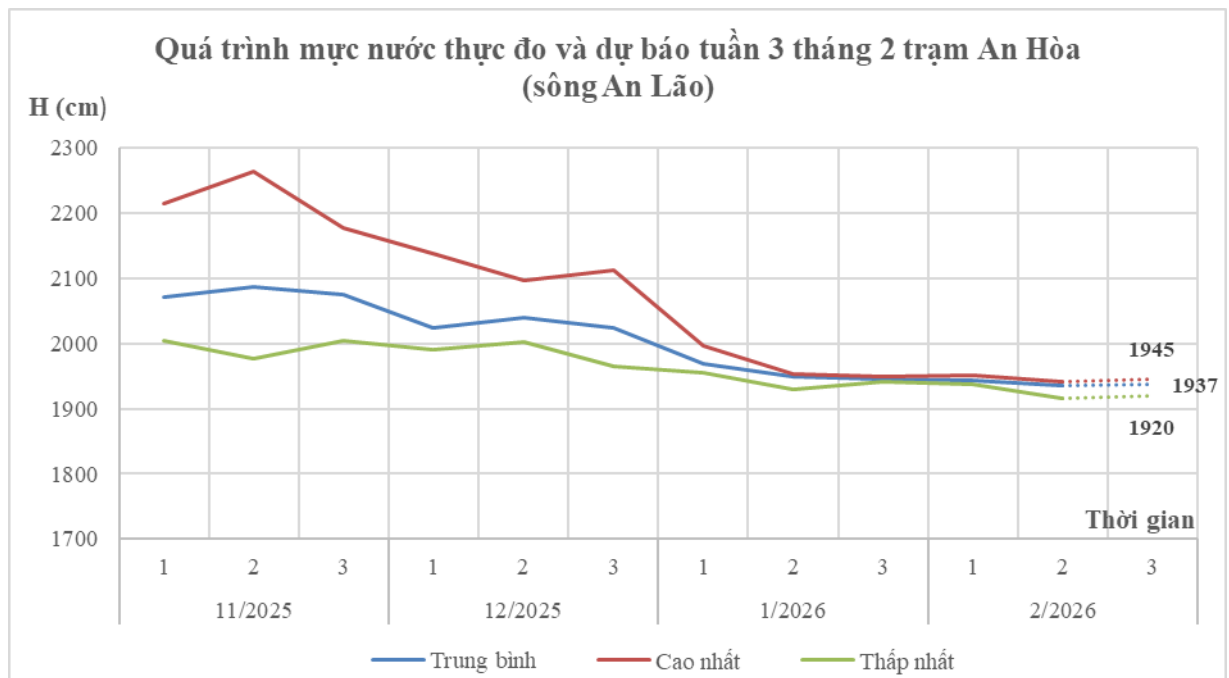
b. Trạm An Khê



c. Trạm Ayun Pa



d. Trạm An Hòa



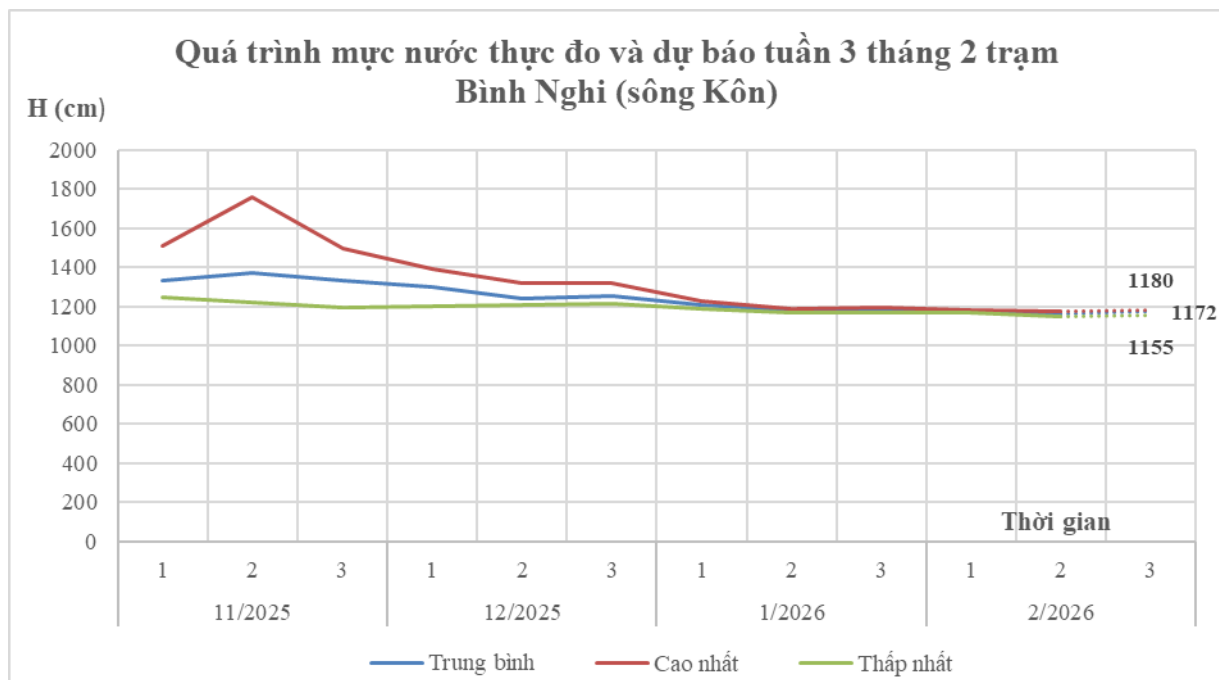
e. Trạm Bồng Sơn



f. Trạm Vĩnh Sơn



g. Trạm Bình Nghi



h. Trạm Thanh Hòa

